

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT  
Ngày: 14-7-2021  
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện  
nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp  
đồng thuê tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**;  
Bà **Lê Thị Anh Đào**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Bà **Nguyễn Thị Dũng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp đồng thuê tài sản”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 05/2021/KDTM-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐXXPT-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Du lịch H.

Địa chỉ: số 328 L, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: bà Hồ Ngân H, chức vụ: Giám đốc Công ty. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Tùng M là Luật sư của Văn phòng Luật sư X thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần C.

Địa chỉ: số 86 - 88 P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông Ngô Đức T, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đỗ Thế Thanh T, chức vụ: nhân viên Phòng Nhân sự - Tổng hợp Công ty Cổ phần C. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Xuân B là Luật sư của Trung tâm T Hội Luật gia tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người kháng cáo: nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Du lịch H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Hồ Ngân H trình bày:*

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Du lịch H (*gọi tắt là Công ty TNHH H*) ký kết Hợp đồng số 03/HĐCT về việc thuê địa điểm tại số 328 đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần C. Thời hạn thuê là 03 năm, từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 8 năm 2020, giá cho thuê cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1: từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/8/2019 với giá 15.000.000 đồng/tháng (*đã bao gồm thuế VAT*).

- Giai đoạn 2: từ ngày 02/8/2019 đến ngày 02/8/2020 với giá 17.000.000 đồng/tháng (*đã bao gồm thuế VAT*).

Thời gian thanh toán: bên thuê sẽ thanh toán cho bên cho thuê theo chu kỳ thời gian 06 tháng/lần, vào thời điểm đầu của chu kỳ thanh toán, cụ thể như sau:

- Bên cho thuê đồng ý hỗ trợ miễn tiền thuê trong 01 tháng đầu tiên.

- Chu kỳ I: ngày 01/8/2017, bên thuê sẽ thanh toán cho bên cho thuê số tiền là 75.000.000 đồng (*tiền thuê 05 tháng*).

- Chu kỳ II: ngày 01/02/2018, bên thuê sẽ thanh toán cho bên cho thuê số tiền là 90.000.000 đồng.

- Chu kỳ III: ngày 01/8/2018, bên thuê sẽ thanh toán cho bên cho thuê số tiền là 90.000.000 đồng.

- Chu kỳ IV: ngày 01/02/2019, bên thuê sẽ thanh toán cho bên cho thuê số tiền là 90.000.000 đồng.

- Chu kỳ V: ngày 02/8/2019, bên thuê sẽ thanh toán cho bên cho thuê số tiền là 102.000.000 đồng.

- Chu kỳ VI: ngày 01/02/2020, bên thuê sẽ thanh toán cho bên cho thuê số tiền là 102.000.000 đồng.

Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

Hai bên đã thực hiện thanh toán đến chu kỳ thứ V (*đến ngày 02/8/2019*), với tổng số tiền của 05 chu kỳ là 447.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 09/7/2019,

Công ty Cổ phần C có Công văn số: 264/CV-CTN về việc thanh lý hợp đồng cho thuê trước thời hạn với Công ty TNHH H. Đến ngày 15/8/2019, hai bên lập biên bản thanh lý hợp đồng số 16/BB-TLHD-2019, hai bên thỏa thuận thống nhất chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, kể từ ngày 01/10/2019. Công ty TNHH H giao mặt bằng cho Công ty Cổ phần C vào ngày 30/9/2019. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần C không giao biên bản thanh lý sau khi đã ký kết cho Công ty TNHH H. Do vi phạm thời hạn báo trước đã ghi tại Điều 3 của Hợp đồng cho thuê nên Công ty Cổ phần C đồng ý không nhận khoản tiền thanh toán của chu kỳ IV mà bên thuê đã thanh toán cho bên cho thuê là 90.000.000 đồng và số tiền của chu kỳ V mà bên thuê sẽ thanh toán cho bên cho thuê là 102.000.000 đồng.

Sau khi thanh lý hợp đồng, Công ty TNHH H đã thanh toán tiếp cho Công ty Cổ phần C số tiền của chu kỳ V là 102.000.000 đồng. Lý do thanh toán tiếp chu kỳ V là do Công ty Cổ phần C không chuyển Công văn số 264/CV-CTN cho Công ty TNHH H nên bộ phận Tài chính, kế toán của Công ty TNHH H đã thực hiện việc thanh toán theo Hợp đồng cho thuê mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, Công ty TNHH H đã nhiều lần đề nghị Công ty Cổ phần C gửi các văn bản có liên quan mà hai bên đã ký kết nhưng vẫn không nhận được sự phản hồi của bên cho thuê. Tổng cộng số tiền mà Công ty Cổ phần C phải trả cho Công ty TNHH H là 192.000.000 đồng. Đến thời hạn giao mặt bằng (ngày 30/9/2019), Công ty Cổ phần C không trả tiền cho Công ty TNHH H nên Công ty TNHH H chưa giao lại mặt bằng. Ngày 10/3/2020, Công ty TNHH H có Công văn số 02/CVCT đề nghị Công ty Cổ phần C thanh toán lại số tiền theo biên bản thanh lý số 16/BB-TLHD-2019 là 192.000.000 đồng, nhưng Công ty Cổ phần C vẫn không thanh toán. Vì vậy, Công ty TNHH H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần C trả số tiền 192.000.000 đồng.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đỗ Thế Thanh T trình bày:* Công ty Cổ phần C thừa nhận ngày 01/8/2017, giữa Công ty Cổ phần C và Công ty TNHH H có ký hợp đồng cho thuê tài sản số 03/HĐCT về việc Công ty Cổ phần C cho Công ty TNHH H thuê quán cà phê tại địa điểm 328 L, thành phố H để kinh doanh. Do nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần C nên ngày 09/7/2019 Công ty Cổ phần C có Công văn số 246/CV-CTN về việc thanh lý hợp đồng trước thời hạn với Công ty TNHH H. Ngày 15/8/2019, giữa Công ty Cổ phần C và Công ty TNHH H đã bàn bạc và thống nhất thanh lý hợp đồng trước thời hạn, thể hiện tại Biên bản thanh lý hợp đồng số 16/BB-TLHD-2019. Tuy nhiên, sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng đến ngày 30/9/2019, Công ty TNHH H không bàn giao mặt bằng, vẫn sử dụng từ đó đến nay, nên ngày 05/3/2020 bị đơn đã gửi Công văn số 01/CV cho Công ty TNHH H về việc hủy bỏ Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 15/8/2019. Hợp đồng cho thuê đến nay đã hết hạn nhưng nguyên đơn vẫn sử dụng mặt bằng nên bị đơn không có trách nhiệm phải hoàn trả số tiền 192.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 05/2021/KDTM-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 385, 410, 422, 472, 481, 482 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch H về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*” đối với bị đơn Công ty Cổ phần C.

2. Công ty Cổ phần C không phải hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch H số tiền 192.000.000 đồng tiền thuê tài sản của chu kỳ IV và chu kỳ V như yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm:* nguyên đơn đã nhiều lần đề nghị bị đơn gửi các văn bản có liên quan mà hai bên đã ký kết nhưng vẫn không nhận được sự phản hồi của bị đơn. Đến thời hạn giao mặt bằng vào ngày 30/9/2019, bị đơn không đến nhận mặt bằng và cũng không trả lại tiền cho nguyên đơn nên nguyên đơn chưa giao lại mặt bằng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 192.000.000 đồng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm:* trong biên bản thanh lý hợp đồng có quy định thời gian nguyên đơn phải bàn giao mặt bằng cho bị đơn là ngày 30/9/2019 và bị đơn chỉ không nhận tiền chu kỳ IV, chu kỳ V của nguyên đơn với điều kiện là nguyên đơn phải bàn giao mặt bằng vào ngày 30/9/2019. Đây là thỏa thuận có điều kiện, nếu nguyên đơn bàn giao mặt bằng đúng thời hạn thì bị đơn mới không nhận tiền của chu kỳ IV và chu kỳ V. Tuy nhiên, cho đến nay nguyên đơn vẫn chưa bàn giao mặt bằng nên bị đơn không chấp nhận trả tiền lại cho nguyên đơn. Vì, nguyên đơn sử dụng mặt bằng thì phải trả tiền thuê mặt bằng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch H thì thấy:

[2.1] Ngày 01/8/2017, giữa Công ty TNHH H với Công ty Cổ phần C có ký kết Hợp đồng cho thuê số 03/HĐCT; theo đó, Công ty TNHH H thuê địa điểm tại số 328 đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam của Công ty Cổ phần C để kinh doanh; thời hạn thuê là 03 năm, từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 8 năm 2020.

[2.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần C nên ngày 15/8/2019, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận thanh lý hợp đồng trước thời hạn theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 16/BB-TLHĐ-2019. Tại biên bản thanh lý hợp đồng, các bên thỏa thuận:

- Bên B (*tức là Công ty TNHH H*) tự tháo dỡ tất cả trang thiết bị đã trang bị thêm trong thời gian thuê để hoàn trả mặt bằng kinh doanh cho bên A (*tức là Công ty Cổ phần C*) vào ngày 30/9/2019.

- Bên A không nhận khoản tiền thanh toán tại chu kỳ thứ IV mà bên B thanh toán cho bên A số tiền 90.000.000 đồng và chu kỳ thứ V mà bên B thanh toán cho bên A số tiền 102.000.000 đồng.

[2.3] Ngoài ra, theo biên bản thanh lý hợp đồng thì Hợp đồng số 03/HĐCT ngày 01/8/2017 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn sẽ chấm dứt trước thời hạn, kể từ ngày 01/10/2019 và hai bên phải thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận tại biên bản thanh lý hợp đồng. Việc thanh lý hợp đồng trước hạn được các đương sự thừa nhận là sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, chứ bị đơn không đơn phương chấm dứt hợp đồng. Các đương sự thừa nhận, theo thỏa thuận tại biên bản thanh lý hợp đồng thì Công ty TNHH H phải tự tháo dỡ tất cả các trang thiết bị đã trang bị thêm trong thời gian thuê để hoàn trả mặt bằng kinh doanh cho Công ty Cổ phần C vào ngày 30/9/2019 và Công ty Cổ phần C sẽ không nhận khoản tiền của chu kỳ thứ IV (*mà Công ty TNHH H đã thanh toán cho Công ty Cổ phần C*) là 90.000.000 đồng và khoản tiền của chu kỳ thứ V (*đã đến hạn mà Công ty TNHH H chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần C*) là 102.000.000 đồng. Như vậy, nếu nguyên đơn tự tháo dỡ tất cả các trang thiết bị đã trang bị thêm trong thời gian thuê để hoàn trả mặt bằng kinh

doanh cho bị đơn vào ngày 30/9/2019 thì bị đơn mới không nhận các khoản tiền của chu kỳ IV và chu kỳ V mà lẽ ra nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn. Tuy nhiên, sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng đến ngày 30/9/2019 nguyên đơn vẫn không tự tháo dỡ hết tất cả các trang thiết bị đã trang bị thêm trong thời gian thuê để bàn giao mặt bằng cho bị đơn. Hiện nay, nguyên đơn thừa nhận vẫn chưa tháo dỡ hết tất cả các trang thiết bị đã trang bị thêm như đã thỏa thuận. Hơn nữa, sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng nhưng không bàn giao mặt bằng cho bị đơn vào ngày 30/9/2019 như đã thỏa thuận, ngày 04/10/2019 nguyên đơn vẫn tiếp tục chuyển khoản thanh toán cho bị đơn số tiền 102.000.000 đồng của chu kỳ V. Và, các đương sự thừa nhận bị đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng (*thanh toán chu kỳ IV, chu kỳ V*) cho nguyên đơn để thực hiện thủ tục quyết toán theo quy định. Do nguyên đơn chậm thực hiện nghĩa vụ tự tháo dỡ hết tất cả các trang thiết bị đã trang bị thêm trong thời gian thuê để hoàn trả mặt bằng kinh doanh cho bị đơn nên bị đơn không có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nhận của chu kỳ IV và chu kỳ V (*tổng cộng là 192.000.000 đồng*). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 192.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[4] Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn phải chịu số tiền 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Du lịch H, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 05/2021/KDTM-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 38, 39 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 275, 276, 278, 284, 353, 422 và 472 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Du lịch H về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần C hoàn trả lại số tiền thuê tài sản là 192.000.000 (*Một trăm chín mươi hai triệu*) đồng.

Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Du lịch H phải chịu số tiền 9.600.000 (*Chín triệu sáu trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 4.800.000 (*Bốn triệu tám trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000867 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; còn lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Du lịch H phải nộp tiếp số tiền là 4.800.000 (*Bốn triệu tám trăm nghìn*) đồng.

Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Du lịch H phải chịu số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001100 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/7/2021).

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Quốc Bảo**